

**CÔNG TY TNHH LAIFUDE VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LAIFUDE VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAIFUDE VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LFD VINA CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108137401

**3. Ngày thành lập:** 17/01/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 75 phố Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                              | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá);                       | 7310        |
| 2.  | Cho thuê xe có động cơ                                                 | 7710        |
| 3.  | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng            | 2593        |
| 4.  | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(trừ hóa chất Nhà nước cấm)                | 2011        |
| 5.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh | 2023        |
| 6.  | Sản xuất sợi                                                           | 1311        |
| 7.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                  | 1312        |
| 8.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                | 1313        |
| 9.  | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                 | 1322        |
| 10. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                      | 1324        |
| 11. | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                         | 1410(Chính) |
| 12. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                   | 1430        |
| 13. | Sản xuất giày dép                                                      | 1520        |
| 14. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                    | 1702        |
| 15. | In ấn<br>(trừ các loại hình Nhà nước cấm)                              | 1811        |
| 16. | Dịch vụ liên quan đến in                                               | 1812        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Gửi hàng;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                            | 5229 |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663 |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; | 4669 |
| 20. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 4751 |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                              | 4752 |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                       | 4753 |
| 23. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                  | 4771 |
| 24. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3312 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321 |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý,<br>- Môi giới thương mại;                                                                                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 27. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632 |
| 28. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641 |
| 29. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4649 |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652 |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                            | 4653 |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230 |
| 33. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5610 |
| 34. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                     | 5621 |
| 35. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5629 |
| 36. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5630 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                              | 8299 |
| 38. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4631 |

|     |                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 39. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                     | 2592 |
| 40. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                              | 4651 |
| 41. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                  | 4659 |
| 42. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4773 |
| 43. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                   | 4774 |
| 44. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                 | 4932 |
| 45. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                   | 4933 |
| 46. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                        | 9511 |
| 47. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);                                                | 7020 |
| 48. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);                                                           | 7320 |
| 49. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                              | 7730 |
| 50. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                     | 7920 |
| 51. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                        | 5510 |
| 52. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                               | 5590 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐỖ THỊ YẾN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 26/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 132088235

Ngày cấp: 18/10/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Dặt, Xã Thạch Kiệt, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu Dặt, Xã Thạch Kiệt, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐỖ THỊ YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 26/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 132088235

Ngày cấp: 18/10/2014

Nơi cấp: *Công an tỉnh Phú Thọ*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu Dặt, Xã Thạch Kiệt, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu Dặt, Xã Thạch Kiệt, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội